

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 19 - 8 - 2021

Bản án số: 47/2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 8 - 2021
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Minh Côn; Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLST - HNGĐ ngày 12/4/2021 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐST - HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm P (nay là xóm Đ) xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Vũ Đức D, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm P (nay là xóm Đ) xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Tôi kết hôn với anh D năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh D làm dâu không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Hai vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh D được 01 năm thì được gia đình nhà chồng xây cho 01 căn nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ chồng chưa cho để vợ chồng ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh D không chịu làm ăn, tôi và bố mẹ đẻ anh D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, cũng trong năm 2018 tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh D có 01 con chung: Vũ Hoàng N, sinh ngày 07/5/2014, hiện nay con chung đang ở với tôi từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay tôi đang làm công nhân tại Công ty Sam sung thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đ/ 01 tháng đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản: Tôi và anh D không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Về công sức đóng góp trong gia đình nhà anh D: Do tôi về ở chung với gia đình nhà chồng được 01 năm sau đó ra ở riêng nên tôi không có công sức đóng góp, tôi không ý kiến và không đề nghị gì.

Tại bản khai bị đơn anh Vũ Đức D trình bày: Tôi kết hôn với cô L năm 2013 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở chung với bố mẹ tôi được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ăn ở riêng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2016, 2017 thì có những bất đồng quan điểm sống, cô L tự ý bỏ đi đâu tôi không biết, tôi cũng gọi điện cho cô L để vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên cô L không về. Nay cô L xin ly hôn tôi không nhất trí vì vợ chồng vẫn hạnh phúc không có mâu thuẫn gì mặc dù cô L bỏ nhà đi từ năm 2017, tôi không có phương án nào để hòa giải thuyết phục cô Loan về đoàn tụ, tôi đề nghị Tòa án mở phiên hòa giải để tôi có cơ hội thuyết phục cô L về đoàn tụ, trường hợp tôi không có mặt tôi đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để xem xét giải quyết.

Về con chung: Tôi và cô L có 01 con chung: Vũ Hoàng N, sinh ngày 07/5/2014, hiện nay con chung đang ở với cô L từ khi vợ chồng sống ly thân. Trường hợp không hòa giải đoàn tụ được tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, tôi không yêu cầu cô L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay tôi chưa có công việc gì làm cụ thể, không có thu nhập cụ thể.

Về tài sản: Tôi và cô L không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị L giao nộp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) mang tên Vũ Đức D và Hoàng Thị L, 01 Giấy khai sinh của con (Bản sao) mang tên Vũ Hoàng N, 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao) mang tên Hoàng Thị L, 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Vũ Đức D, 01 Hợp đồng lao động giữa chị L với Công ty Sam Sung, 01 sao kê tài khoản trả lương tại Ngân hàng. Anh D không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn và xin được quyền trực tiếp nuôi con chung cháu Vũ Hoàng N, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét, về tài sản không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai. Anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mặc dù anh đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

+ Cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Vũ Đức D.

+ Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng N, sinh ngày 07/5/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị L phải chịu án phí LHST theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh D vắng mặt nên vụ án đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Vũ Đức D cư trú tại Xóm P (nay là xóm Đ), xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Vũ Đức D vắng mặt lần thứ hai không lý do đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật vào năm 2013, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh D không chịu làm ăn, chị và bố mẹ đẻ anh D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, cũng trong

năm 2018 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh D cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2016, 2017 thì có những bất đồng quan điểm sống, do chị L tự ý bỏ đi đâu anh không biết, anh cũng gọi điện cho chị L để vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên chị L không về. Nay chị L xin ly hôn anh không nhất trí vì vợ chồng vẫn hạnh phúc không có mâu thuẫn gì mặc dù chị L bỏ nhà đi từ năm 2017, vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau, anh cũng cho rằng anh không có phương án nào để hòa giải thuyết phục chị L về đoàn tụ, anh đề nghị Tòa án mở phiên hòa giải để anh có cơ hội thuyết phục chị L về đoàn tụ, tuy nhiên tại phiên họp và tại phiên hòa giải anh vắng mặt không lý do mặc dù anh đã được triệu tập hợp lệ.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị L và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2018 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, mặc dù Tòa án đã thông báo cho anh D tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật để anh trình bày ý kiến, trình bày phương án hòa giải xin đoàn tụ với chị L, tuy nhiên anh D vắng mặt, không tham gia mặc dù anh đã nhận được thông báo hợp lệ của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị Loan là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị L, cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vũ Đức D là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị L và anh D cùng xác định vợ chồng có 01 con chung Vũ Hoàng N, sinh ngày 07/5/2014, chị L và anh D cùng xác định hiện nay con chung đang ở với chị L từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét. Phía anh D cũng có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù cả chị L, anh D đều có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, tại bản khai cháu Vũ Hoàng N là con chung của anh chị có nguyện vọng xin được ở với chị L, tuy nhiên xét về điều kiện thực tế chị L hiện nay đang làm công nhân tại Công ty Sam Sung, thu nhập khoảng 8.000.000 đ/ 01 tháng đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống của con chung, phía anh D hiện nay chưa có công việc cụ thể, chưa đi làm hơn nữa cháu N hiện nay đang ở cùng với chị L từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2018 cho đến nay và cháu đang đi học tại Trường Trung học cơ sở xã P, anh D không có thu nhập nào để đảm bảo cuộc sống của con chung. Do vậy nếu giao con chung cho anh D sẽ không đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung. Xét đề nghị xin nuôi con chung của chị L là có căn cứ nên cần chấp nhận đề nghị của chị L giao con chung Vũ Hoàng N, sinh ngày 07/5/2014 cho chị trực tiếp nuôi

đưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp chị L, anh D có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị L không đề nghị gì. Về quyền thăm nom con chung anh D có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị L và anh D cùng xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét.

Về công sức đóng góp trong gia đình nhà anh D: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị L xác định không có công sức, không ý kiến và không đề nghị gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L, cho chị L được ly hôn anh Vũ Đức D.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng N, sinh ngày 07/5/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị L, anh D có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị L phải chịu 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003708 ngày 09/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị L biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

ĐÀO NGỌC HÀI